

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 12-6-2024
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Ông Hoàng Năng Long;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **46/2024/TLST-HNGĐ** ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **21/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* **Bị đơn:** Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ2, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Yến L (nguyên đơn) và ông Đỗ Đức T (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/01/1996. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì đến năm 2016 bị đơn và nguyên đơn sống ly thân. Hiện nay bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ2, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 03 con chung là chị Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/1997; anh Đỗ Thành Đ1, sinh ngày 01/02/1999 và chị Đỗ Linh C, sinh ngày 01/6/2004. Hiện tại các con đều đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024 bị đơn ông Đỗ Đức T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống thì vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, sau đó bị đơn phải đi chấp hành án. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì bị đơn đồng ý.

Về con chung: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung các con của nguyên đơn và bị đơn đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Đỗ Đức T có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào

ngày 09/01/1996 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì nguyên đơn và bị đơn sống ly thân, đến năm 2019 bị đơn phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ2, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn và bị đơn đồng ý. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đã thuận tình ly hôn, việc thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là chị Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/1997; anh Đỗ Thành Đ1, sinh ngày 01/02/1999 và chị Đỗ Linh C, sinh ngày 01/6/2004. Hiện tại các con đều đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến L.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Yến L và ông Đỗ Đức T.

2. Về con chung: Các con chung là chị Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/1997; anh Đỗ Thành Đ1, sinh ngày 01/02/1999 và chị Đỗ Linh C, sinh ngày 01/6/2004 đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0006520 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đỗ Đức T không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp